

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN H
THÀNH PHỐ H

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 280 /2018/HSST

Ngày: 15.11.2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN H – THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng H

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị T

2. Bà Phạm Thị Bích H

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hà M – Thư ký Tòa án nhân dân quận H –
Thành phố H

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H tham gia phiên tòa: Ông Đỗ
Minh T – Kiểm sát viên.

Ngày 15.11.2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận H xét xử sơ thẩm công
khai vụ án hình sự thụ lý số: 294/ 2018/HSST ngày 30/10/2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Bùi Thị T** Sinh năm: 1963 Giới tính: Nữ

Nơi cư trú: phường T, quận H, tp.H

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh Tôn giáo: không

Nghề nghiệp: Không Văn hoá:

Bố: Bùi Văn T (đã chết) Mẹ: Dương Thị G (đã chết)

Bị can là con út trong gia đình có 06 anh chị em.

Chồng: Phạm Văn C (đã chết); Con: 02 con (lớn sinh năm 1986, nhỏ sinh năm 1989)

Tiền sự: 06 tiền sự

Tiền án: 10 tiền án

- Ngày 20/12/1984, Tòa án nhân dân quận H, Thành phố H xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản của công dân (không rõ giá trị tài sản)

- Ngày 20/06/1986, Tòa án nhân dân quận H, Thành phố H xử phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng về tội Trộm cắp tài sản của công dân;

- Ngày 17/07/1992, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối cao tại H xử phạt 04 năm tù về tội Trộm cắp tài sản của công dân (trị giá tài sản trộm cắp dưới 2 triệu đồng)

- Ngày 29/04/1997, Tòa phúc thẩm TAND tối cao tại H xử phạt 03 năm tù về tội Trộm cắp tài sản của công dân (trị giá tài sản dưới 2 triệu đồng)

- Ngày 30/09/1997, Tòa án nhân dân quận H xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản của công dân. Tổng hợp hình phạt 03 năm tù với bản án trước là 04 năm 06 tháng tù (Không rõ giá trị tài sản)

- Ngày 29/07/2004, Tòa án nhân dân quận Đ xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (trị giá tài sản dưới 2 triệu đồng)

- Ngày 14/08/2007, Tòa án nhân dân quận Đ xử phạt 26 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (trị giá tài sản dưới 2 triệu đồng)

- Ngày 29/07/2013, Tòa án nhân dân quận H xử phạt 10 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (trị giá tài sản trên 2 triệu đồng, chưa được xóa án tích)

- Ngày 29/08/2014, Tòa án nhân dân quận H xử phạt 08 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (trị giá tài sản dưới 2 triệu đồng, chưa được xóa án tích)

- Ngày 23/08/2016, Tòa án nhân dân quận H xử phạt 16 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (trị giá tài sản trên 2 triệu đồng, ra trại ngày 07/09/2017, chưa xóa án tích)

Bị can Bùi Thị T bị tạm giữ ngày 04/08/2018, tạm giam ngày 10/08/2018. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an Tp. H, số giam: 3473, buồng giam: M. *Có mặt tại phiên tòa.*

Người bị hại : Chị Đinh Ngọc L – sinh năm : 1970

Trú tại : phường M, quận H, tp.H.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 03/08/2018, Bùi Thị T gặp bạn xã hội tên O tại khu vực chợ M, phường T, quận H, tp.H. Do thiếu tiền tiêu xài nên T và Bùi Thị T rủ nhau ngày hôm sau đi trộm cắp tài sản. Khoảng 09 giờ 20' ngày 04/08/2018, tại khu vực chợ M, T gặp Bùi Thị T đi cùng Bùi Thị T là bạn của Bùi Thị T (chưa xác định được nhân thân lại lịch của Bùi Thị T và Bùi Thị T). Cả ba bàn nhau điều khiển xe máy đi dọc các tuyến phố trên địa bàn quận H xem có người phụ nữ nào dừng đỗ xe ở lề đường để mua hàng thì Bùi Thị T và Bùi Thị T sẽ cho xe va chạm với bị hại từ phía sau còn T sẽ áp sát, lợi dụng lúc người bị hại quay lại giải quyết va chạm với Bùi Thị T và Bùi Thị T, sơ hở trong quản lý tài sản thì sẽ trộm cắp tài sản rồi phóng xe bỏ đi. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, T điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Dream BKS 20F6-2365 còn Bùi Thị T trở Bùi Thị T bằng xe Wave màu trắng (không rõ biển kiểm soát) đi trên quận H, tp.H. Khi cả ba đi đến gần khu vực quán bán hoa quả tại phường M, quận H, tp.H phát hiện chị Đinh Ngọc L (SN: 1970 – Trú tại: phường M, quận H, tp.H) đang dừng đỗ xe để mua hoa quả, thấy chị L vừa trả tiền xong, cất ví vào túi xách treo ở khu vực giữa xe thì Bùi Thị T và Bùi Thị T đã điều khiển xe cho va chạm vào đuôi xe của chị L làm chị L phải quay đầu lại. Lợi dụng khi chị L quay đầu lại, T đã điều khiển xe áp sát phía bên trái xe của chị L đồng thời dùng tay phải thò vào túi xách lấy trộm chiếc ví giả da màu xanh nhãn hiệu Vascara của chị L. Khi T đang cầm chiếc ví trên tay phải chưa kịp cất giấu thì bị Tổ công tác Công an phường M đang làm nhiệm vụ phát hiện và bắt quả tang. Khi thấy T bị bắt, Bùi Thị T và Bùi Thị T đã điều khiển xe bỏ đi. Tổ công tác tiến hành kiểm tra bên trong chiếc ví mà T trộm cắp được của chị L có 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, 64Gb, màu trắng, đã qua sử dụng và số tiền 7.500.000 đồng. Tổ công tác đã đưa T cùng vật chứng về trụ sở Công an phường M giải quyết.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận H đã ra yêu cầu định giá tài sản đối với 01 ví giả da có chữ Vascara màu xanh và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màu trắng mà T trộm cắp được. Tại Kết luận định giá tài sản số 98 ngày 16/08/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận H kết luận: 01

chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, 64Gb, màu trắng, đã qua sử dụng trị giá 20.000.000 đồng; 01 ví giả da màu xanh, nhãn hiệu Vascara trị giá 30.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản Bùi Thị T trộm cắp là 27.530.000 đồng (Hai mươi bảy triệu năm trăm ba mươi triệu đồng).

Tại Cơ quan điều tra, Bùi Thị T khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp của mình như trên.

Tại Cơ quan điều tra, người bị hại là chị Đinh Ngọc L trình bày về việc bị mất trộm tài sản như trên, phù hợp với lời khai của T và các tài liệu điều tra thu thập được. Chị L có đề nghị được nhận lại tài sản đã mất vì vậy ngày 23/08/2018, Cơ quan điều tra đã trả lại toàn bộ số tài sản nêu trên cho chị L, chị L đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường dân sự gì khác.

Đối với 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Dream, BKS 29F6-2365 có số khung LN5Y00025682, số máy 100C*00416220, không có trong dữ liệu xe vật chứng, được đăng ký mang tên Đặng Văn T (SN: 1959 – Địa chỉ: xã T, huyện Đ, tỉnh T). Bùi Thị T khai nhận chiếc xe trên là do T mượn của con dâu là chị Đỗ Phương A (SN: 1996 – Trú tại: số 2 ngõ H, quận H, tp.H). Tại Cơ quan điều tra, ông Đặng Văn T trình bày chiếc xe trên được ông T mua từ năm 2001 và sử dụng đến năm 2007 thì bán cho một người không quen biết ở B, hiện ông T không biết ai là chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe. Tại Cơ quan điều tra, chị Đỗ Phương A trình bày về việc mua chiếc xe trên từ đầu năm 2017 và sử dụng chiếc xe từ đó đến nay, đầu tháng 08/2018 chị Phương A có cho Bùi Thị T – là mẹ chồng mượn để đi tìm việc làm; tuy nhiên chị Phương A không xuất trình được các giấy tờ sở hữu hợp pháp đối với chiếc xe trên. Quá trình điều tra, hiện không xác định được chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe nên ngày 28/09/2018, Cơ quan điều tra đã ra quyết định tách các tài liệu của vụ án liên quan đến chiếc xe để tiếp tục điều tra xử lý sau.

Đối với 02 đối tượng Bùi Thị T và Bùi Thị T, quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân lai lịch, Cơ quan điều tra vẫn tiếp tục rà soát xác minh hiện chưa có kết quả. Xét thấy không ảnh hưởng đến việc xác định hành vi phạm tội của Bùi Thị T, do đó ngày 28/09/2018, Cơ quan điều tra đã ra quyết định tách các tài liệu liên quan của vụ án đến Bùi Thị T và Bùi Thị T để tiếp tục điều tra làm rõ.

Tại bản Cáo trạng số:285 /CT/VKS-HS ngày 28/9/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân quận H – Thành phố H đã truy tố Bùi Thị T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như trong quá trình điều tra và nội dung bản cáo trạng đã nêu. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận H giữ quan điểm truy tố với Bùi Thị T như tội danh và điều luật đã viện dẫn tại bản Cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, đánh giá mức độ phạm tội, xem xét nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ đã đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo mức án từ 36 tháng tù đến 42 tháng tù giam.

Bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] . Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận H, thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, được chứng minh bằng biên bản bắt người phạm tội quả tang, cùng các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Bùi Thị T phạm tội: “Trộm cắp tài sản” tội danh và hình phạt quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân quận H truy tố bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự coi thường pháp luật, xâm phạm chế độ sở hữu tài sản của cá nhân làm xói mòn đạo đức xã hội, ảnh hưởng xấu đến nhiều mặt của đời sống xã hội.

Xét nhân thân của bị cáo: Bị cáo có 10 tiền án, có 06 tiền sự, bị cáo liên tục phạm cùng 01 loại tội thể hiện sự coi thường pháp luật. Bị cáo có nhân thân xấu. Ngày 29/07/2013, Tòa án nhân dân quận H xử phạt 10 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (trị giá tài sản trên 2 triệu đồng, chưa được xóa án tích). Ngày 29/08/2014, Tòa án nhân dân quận H xử phạt 08 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (trị giá tài sản dưới 2 triệu đồng, chưa được xóa án tích). Ngày 23/08/2016, Tòa án nhân dân quận H xử phạt 16 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (trị giá tài sản trên 2 triệu đồng, ra trại ngày 07/09/2017, chưa xóa án tích) do đó lần phạm tội này được xác định là tái phạm nguy hiểm, cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[4]. Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét : tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

[5]. Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo **Bùi Thị T** phạm tội: “**Trộm cắp tài sản**”.

2. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51; Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: **Bùi Thị T: 40 (bốn mươi) tháng** tù giam về tội: “**Trộm cắp tài sản**”. Thời hạn tù tính từ ngày 04/8/2018.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo việc thi hành án.

3. Áp dụng các Điều 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Viện kiểm sát ND Q. H;
- Công an Q. H;
- Chi cục THADS Q. H;
- Tòa án NDTP H;
- Viện kiểm sát ND TP H;
- UBND Phường T, quận H, tp.H;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Hồng H